TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2025/HS-PT
Ngày 14 - 8 - 2025

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 07 và 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 145A/2025/TLPT-HS ngày 19/02/2025. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. **Lê Thành T1**, sinh năm 1975 tại Lâm Đồng; nơi thường trú: thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: nguyên Trưởng Phòng Tổ chức pháp chế Công ty cổ phần V3; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Lê Thị H; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 04/4/2023, có mặt.

2. **Trần Xuân D**, sinh năm 1950 tại Nghệ An; nơi thường trú: B Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nguyên nhân viên Phòng Tổ chức pháp chế Công ty cổ phần V3; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T2 và bà Bùi Thị H1; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại, có mặt.

3. **Ngô Minh K**, sinh năm 1963 tại Hà Nội; nơi thường trú: lầu D, phòng 402, chung cư T, số A T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú: 3 đường số A, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nguyên chuyên viên xét bồi thường của Trung tâm bồi thường xe ô tô thuộc Tổng Công ty Cổ phần B2; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô M và bà Lê Thị T3; có vợ và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 27/4/2023, đến ngày 15/8/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại, có mặt.

4. **Phạm Hồng T4**, sinh năm 1970 tại Đồng Nai; nơi thường trú: C H, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nguyên Phó Giám đốc Trung tâm bồi thường xe ô tô Thành phố H thuộc Tổng Công ty Cổ phần B2; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T5 và bà Phạm Thị V; có vợ (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 27/4/2023, đến ngày 15/8/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại, có mặt.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Thanh T6: Bà Nguyễn Ngọc T7, Luật sư của Văn phòng luật sư Hồ Trung H2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Người bào chữa theo yêu cầu cho các bị cáo Trần Xuân D, Phạm Hồng T4: Ông Nguyễn Minh C, Luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Ngô Minh K: Ông Lê Huy V1, Luật sư của Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

(Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Phú T8, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Pháp nhân của các công ty có liên quan:

1.1. Công ty cổ phần V3:

Công ty cổ phần V3 (viết tắt là Công ty V3), được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302644716 lần đầu ngày 18/6/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 02/01/2013; trụ sở số A

P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; vốn điều lệ: 66.784.837.445 đồng; Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Giao nhận hàng hóa trong nước... Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc H3 - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1.2. Tổng Công ty Cổ phần B2:

Tổng Công ty cổ phần B2 (viết tắt là Công ty B3) được thành lập theo Quyết định số 27/GP/KDBH ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ T23 trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty Bảo hiểm Thành phố B3.

Địa chỉ trụ sở chính: B T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Vốn điều lệ: 1.100.000.000.000 đồng; lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm P4; các nghiệp vụ được phép kinh doanh: kinh doanh bảo hiểm; kinh doanh tái bảo hiểm; giám định tổn thất; Tiến hành hoạt động đầu tư; các hoạt động khác theo quy định của pháp luật. Về cơ cấu vốn, hiện Tổng Công ty Cổ phần B2 có 50,7% vốn Nhà nước - thông qua đơn vị đại diện vốn chủ sở hữu là Tổng công ty Đ8 (SCIC).

1.3. Công ty B3:

Công ty B3 là Công ty thành viên của Tổng công ty Cổ phần B2; trụ sở số B T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 27/GPĐC13/KDBH ngày 30/12/2022, sửa đổi bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động số 27/GP/KDBH ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ T23 với nội dung cho phép Công ty B3 thành lập một số công ty con. Từ tháng 11/2010-09/2018, do ông Phạm Minh T9 làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật. Từ tháng 9/2018 đến nay, do ông Trần Nam T10 làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật.

2. Hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" của Lê Thành T1 Trưởng phòng và Trần Xuân D nhân viên, Phòng Tổ chức Pháp chế Công ty V3:

Công ty V3 là khách hàng mua bảo hiểm xe cơ giới của Công ty B3 từ năm 2015 đến nay. Theo nội dung Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới được ký kết, Công ty B3 sẽ chi trả bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc cho Công ty V3 mới mức trách nhiệm về người tối đa là 150.000.000 đồng/người/vụ, về tài sản là 100.000.000 đồng/vụ.

Đối với tổn thất từ 20.000.000 đồng trở lên, Công ty V3 phải cung cấp cho Công ty B3 hồ sơ, tài liệu gồm: Bản sao các Giấy tờ: Đăng ký xe, Giấy phép lái xe còn hiệu lực của lái xe, đăng kiểm; Thông báo và yêu cầu bồi thường (theo mẫu của Công ty B3); Hình ảnh hiện trường (nếu có); Các giấy tờ chứng minh các chi phí cần thiết và hợp lý mà Bên B đã chi ra để bồi thường cho bên thứ ba (trường hợp có tổn thất đối với bên thứ ba); Giấy chứng tử, chứng từ nhập/ xuất

viện và hóa đơn viện phí, thuốc, toa thuốc của người bị hại (trường hợp có tổn thất về người); Biên bản nghiệm thu và thu hồi vật tư (trường hợp có tổn thất vật chất); Hồ sơ hoặc Giấy xác nhận (kết luận) của cơ quan CSĐT/Công an có thẩm quyền; Thông báo số tài khoản hoặc Giấy ủy quyền hợp lệ của Bên B để Bảo M1 làm thủ tục chuyển tiền bồi thường.

Từ năm 2015 đến nay, Lê Thành T1 là Trưởng Phòng và Trần Xuân D nguyên là nhân viên của Phòng Tổ chức Pháp chế Công ty V3, phụ trách xử lý các vụ tai nạn giao thông đối với các phương tiện của Công ty V3, có nhiệm vụ liên hệ cung cấp hồ sơ thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường cho Công ty B3.

Theo mô hình tổ chức của Công ty B3, Công ty B3 là đơn vị khai thác dịch vụ bảo hiểm, khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra, khách hàng thông báo cho Trung tâm bồi thường xe ô tô Thành phố H (đơn vị trực thuộc Công ty B3) để thực hiện thủ tục giám định, thẩm định và thanh toán tiền bồi thường theo phân cấp của Công ty B3.

Để có tiền tiêu xài cá nhân, Lê Thành T1 đã bàn bạc, thỏa thuận với Trần Xuân D làm giả hồ sơ, tài liệu các vụ tai nạn giao thông gồm: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản khám phương tiện, Biên bản giải quyết vụ tai nạn; Giấy ra viện, Giấy nhận tiền (bằng tiền mặt) và đơn bãi nại của người bị tai nạn. Thực hiện việc cắt dán chữ ký của các cá nhân có tên trên biên bản và photo lại thành văn bản photo hoàn chỉnh, sử dụng con dấu giả Công an các địa phương theo thông tin tai nạn (Lê Thành T1 mua từ một đối tượng không rõ lai lịch trên mạng) đóng lên góc trái của tài liệu photo. Sau đó, Lê Thành T1 và Trần Xuân D dùng các tài liệu lập giả lập thành 22 bộ hồ sơ gửi đến Công ty B3 để được xét duyệt bồi thường và chi trả tiền bồi thường qua tài khoản cá nhân của Lê Thành T1, Trần Xuân D với tổng số tiền 2.755.000.000 đồng để chiếm đoạt chia nhau sử dụng cá nhân.

Cụ thể, từ năm 2016 đến năm 2019, Công ty B3 tiếp nhận 23 hồ sơ bồi thường bảo hiểm TNDS bắt buộc của Công ty V3 liên quan 23 vụ tai nạn giao thông (11 vụ tai nạn xảy ra tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, 09 vụ tai nạn xảy ra tại Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; 01 vụ tai nạn xảy ra tại huyện D, tỉnh Nghệ An; 01 vụ tai nạn xảy ra tại huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; 01 vụ tai nạn xảy ra tại huyện L, tỉnh Đắk Lắk). Trong đó, 22/23 hồ sơ bồi thường được chấp nhận giải quyết bồi thường với số tiền 2.755.000.000 đồng, 01/23 hồ sơ bồi thường liên quan đến tai nạn ngày 30/6/2019 tại huyện D, tỉnh Nghệ An không được chấp nhận bồi thường do có nghi vấn. Các hồ sơ liên quan đến các vụ tai nạn giao thông nêu trên đã bị Lê Thành T1 và Trần Xuân D làm giả, gồm:

- Tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

1) Hồ sơ bồi thường bảo hiểm trách nhiệm dân sự (BH TNDS) bắt buộc số tiền 99.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-112.39 gây ra vào ngày 06/5/2017 tại Km88, Quốc lộ B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do anh Phan Đình Đ1 (sinh ngày 03/4/1972; thường trú: số A, Khu phố B, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy phép lái xe số 790144929986, ngày cấp 05/9/2016, nơi cấp Sở Giao thông vận tải (Sở GTVT) Thành phố Hồ Chí Minh) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ B hướng Đắk Lắk về Đ, Lâm Đồng thì xảy ra va quẹt với anh Nguyễn Lê H4 (sinh ngày 16/6/1970; Thường trú: thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) đang đi bộ, khiến anh H4 bị thương nặng.

2) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 176.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-113.01 gây ra vào ngày 10/7/2017 tại Km88, Quốc lộ B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do ông Lê Hữu H5 (sinh ngày 03/8/1985; thường trú: thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Giấy phép lái xe số: 790158154862, ngày cấp 06/8/2015, nơi cấp Sở GTVT TP .) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ B hướng từ Đắk Lắk về Đ, Lâm Đồng thì xảy ra va quẹt với anh Nguyễn Thanh V2 (sinh ngày 04/9/1979; thường trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) và anh Nguyễn Hữu L (sinh ngày 18/7/1976; thường trú: thôn F, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) đang đi bộ, khiến anh V2 và anh L bị thương nặng.

3) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 82.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-918.07 gây ra vào ngày 28/10/2017 tại Km130+500, Quốc lộ B, thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do anh Lý Minh M2 (sinh ngày 05/01/1985; thường trú: Thạnh Lợi, TT M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy phép lái xe số: 790009232196, ngày cấp 04/7/2016, nơi cấp Sở GTVT TP .) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ B hướng từ Đắk Lắk về Đ, Lâm Đồng thì va quẹt vào anh Đỗ Đình H6 (sinh ngày 19/8/1973; thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng), khiến anh H6 bị thương nặng.

4) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 198.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51M-3312 gây ra vào ngày 18/11/2017 tại Km98+500 Quốc lộ B, thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do ông Nguyễn Văn C1 (sinh ngày 25/5/1988; thường trú: thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; giấy phép lái xe số 370128032749, ngày cấp 30/6/2016, nơi cấp Sở GTVT tỉnh T) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ B hướng từ Đắk Lắk về huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì va chạm với xe đạp do ông Phạm Quốc P (sinh ngày 16/5/1975; HKTT: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) điều khiển phía sau chở ông Vũ Minh P1 (sinh ngày 06/9/1974; thường trú: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) bị thương.

5) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 99.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-167.95 gây ra vào ngày 17/12/2017 tại Km96, Quốc lộ B, Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do anh Trần Ngọc C2 (sinh ngày 12/10/1977; thường trú: H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; Giấy phép lái xe số: 790049001620, ngày cấp 12/03/2013, nơi cấp Sở GTVT TP .) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ B hướng Đắk Lắk về Đ thì va chạm với xe đạp do ông Mai Văn Đ2 (sinh ngày 17/5/1983; thường trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) điều khiển, khiến ông Đ2 bị thương nặng.

6) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 198.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-176.84 gây ra vào ngày 25/3/2018 tại Km 89+300, Quốc lộ B, thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm do anh Trần Văn M3 (sinh ngày 15/8/1980; Thường trú: Thôn D, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; Giấy phép lái xe số: 490120000969, ngày cấp 08/12/2017, nơi cấp Sở GTVT TP .) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ B hướng từ Đắk Lắk về Đ thì va chạm với xe đạp do anh Bùi Tiến P2 (sinh ngày 30/6/1976; thường trú: Thôn H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk) điều khiển phía sau chở anh Nguyễn Văn T11 (sinh ngày 09/3/1974; thường trú: tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng), khiến anh P2 và anh T11 bị thương nặng.

7) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 99.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-922.43 gây ra vào ngày 06/5/2018 tại Km126, Quốc lộ B, Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do anh Hồ Quang P3 (sinh ngày 21/7/1993; thường trú: 2 Hồ Đ, phường T, quận T, TP ., Giấy phép lái xe số: 790162023284, ngày cấp 25/01/2016, nơi cấp Sở GTVT TP .) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ B hướng Đắk Lắk về Đ thì va chạm với ông Trần Huyền T12 (sinh ngày 24/9/1961; thường trú: Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) đang đi bộ cùng chiều, khiến ông T12 bị thương nặng.

8) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 190.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-112.39 gây ra vào ngày 01/7/2018 tại Km128+800, Quốc lộ B, thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do anh Phan Đình Đ1 (sinh ngày 03/4/1972; thường trú: 1005/17, Khu phố B, phường Đ, Quận A, TP .; Giấy phép lái xe số: 790144929986, ngày cấp 05/9/2016, nơi cấp Sở GTVT TP .) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ B hướng Đắk Lắk về Lâm Đồng thì va chạm với xe đạp do ông Nguyễn Trọng N (sinh ngày 28/6/1974; thường trú: Thôn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) điều khiển phía sau chở ông Nguyễn Văn M4 (sinh ngày 21/9/1975; thường trú: thôn F, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk), khiến ông N và ông M4 bị thương nặng.

9) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 191.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-961.54 gây ra vào ngày 18/09/2018 tại

Km132+600, Quốc lộ B, thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do anh Lê Văn T13 (sinh ngày 01/01/1965; thường trú: 25/3D Khu phố B, thị trấn H, huyện H, TP .; Giấy phép lái xe số: 790980232442, ngày cấp 12/3/2018, nơi cấp Sở GTVT TP .) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ B hướng từ Đắk Lắk về Lâm Đồng thì va chạm với xe đạp điện do ông Nguyễn Hồng H7 (sinh ngày 15/6/1975; Thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) điều khiển phía sau chở ông Nguyễn Văn Q (sinh ngày 22/7/1965; thường trú: thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk), khiến ông H7 và ông Q bị thương nặng.

10) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 96.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 57L-2674 gây ra vào ngày 06/12/2016 tại Ngã ba Quốc lộ B, bản P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do ông Đặng Sỹ N1 (sinh ngày 02/07/1979; thường trú: Xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; giấy phép lái xe số 400158028954, ngày cấp 22/09/2015, nơi cấp Sở GTVT tỉnh N) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ B hướng từ Đ đi Đ tỉnh Lâm Đồng thì va chạm với xe đạp điện do ông K' Stam Ty (sinh ngày 06/09/1996; Thường trú: bản Piko, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) khiến ông K' Stam Ty bị thương nặng.

11) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 68.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51M-0883 gây ra vào ngày 29/04/2016 tại Km88, Quốc lộ B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do anh Nguyễn Văn T14 (sinh ngày 04/10/1958; thường trú: Phường L, thành phố T, TP .; Giấy phép lái xe số: 790968006182, ngày cấp 28/11/2013, nơi cấp Sở GTVT TP .) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ B hướng Đ đi Đắk Lắk thì xảy ra va chạm với anh Hoàng Ngọc S (sinh năm 1977; Thường trú: Thôn K, xã Đ hăng, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) đang đi bộ, khiến anh S bị thương nặng.

- Tại địa bàn huyện V, tỉnh Lạng Sơn:

12) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 70.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 57M-1426 gây ra vào ngày 09/11/2015 tại Km95+500, Quốc lộ A, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do anh Nguyễn Thanh T15 (sinh năm 1977; thường trú: Phường Đ, TP ., tỉnh Bình Định; Giấy phép lái xe số: AV 873552, ngày cấp 31/08/2012, nơi cấp Sở GTVT tỉnh B) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ A hướng từ Hà Nội đi Lạng Sơn thì va chạm với xe đạp do ông Nguyễn Gia Đ3 (sinh năm 1981; thường trú: Làng P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) lưu thông cùng chiều, khiến ông Đ3 bị thương nặng.

13) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 66.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-110.47 gây ra vào ngày 23/11/2016 tại Km90+500, Quốc lộ A, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do anh Trần Ngọc C2 (sinh ngày 12/10/1977; thường trú: H, G, Gio L1, Quảng Trị; Giấy phép lái xe số: 790049001620, ngày cấp 18/03/2013, nơi cấp Sở GTVT TP .) điều khiển lưu

thông trên Quốc lộ A từ Hà Nội đi Lạng Sơn thì va chạm vào bà Trần Thị H8 (sinh ngày 08/12/1972; HKTT: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) đi bộ cùng chiều, khiến bà H8 bị thương nặng.

14) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 99.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-110.47 gây ra vào ngày 26/02/2017 tại Km48+500, Quốc lộ A, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do anh Nguyễn Thành S1 (sinh ngày 03/04/1968; thường trú: 810 khu phố A, phường B, quận B, TP .; Giấy phép lái xe số: 790116244017, ngày cấp 04/09/2015, nơi cấp Sở GTVT TP .) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ A từ Hà Nội đi Lạng Sơn thì va quệt vào ông Phạm Chí T16 (sinh ngày 11/09/1970; thường trú: xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) đi bộ cùng chiều, khiến ông T16 bị thương nặng.

15) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 98.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô đầu kéo mang biển số 51E-004.31 gây ra vào ngày 18/06/2017 tại Km56+500, Quốc lộ A, thuộc thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do anh Võ Văn H9 (sinh ngày 18/09/1990; thường trú: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Long An; Giấy phép lái xe số: 790123226167, ngày cấp 01/11/2016, nơi cấp Sở GTVT tỉnh Q) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ A hướng từ của khẩu T về Hà Nội thì va chạm với xe đạp do ông Nguyễn Thanh B (sinh ngày 12/07/1989; thường trú: xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) lưu thông bên phải cùng chiều, khiến ông B bị thương nặng.

16) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 96.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-290.48 gây ra vào ngày 05/10/2017 tại Km70+200, Quốc lộ A, bản N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do anh Phạm Văn T17 (sinh ngày 23/10/1972; thường trú: thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Giấy phép lái xe số: 720099000074, ngày cấp 04/09/2013, nơi cấp Sở GTVT tỉnh B) điều khiển lưu thông từ Lạng Sơn về Hà Nội thì va quệt vào ông Phan Đình Đ4 (sinh ngày 10/07/1978; thường trú: thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) đi bộ phía trước bên phải cùng chiều, khiến ông Đ4 bị thương nặng.

17) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 99.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-92020 gây ra vào ngày 29/10/2017 tại Km55, Quốc lộ A, thuộc bản P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do anh Đoàn Xa Q1 (sinh ngày: 05/06/1982; thường trú: xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; Giấy phép lái xe số: 790088241188, ngày cấp 22/08/2016, nơi cấp Sở GTVT TP .) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ A hướng từ Hà Nội đi Lạng Sơn thì va chạm với xe đạp do ông Nguyễn Thanh V2 (sinh năm 1974; thường trú: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) lưu thông cùng chiều, khiến ông V2 bị thương nặng.

18) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 191.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-922.86 gây ra vào ngày 20/01/2018 tại

Km47+500, Quốc lộ A, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do anh Nguyễn Minh C (sinh ngày 11/03/1981; thường trú: 22D3 phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Giấy phép lái xe số: 790116008398, ngày cấp 08/09/2016, nơi cấp Sở GTVT TP .) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ A hướng từ Lạng Sơn về Hà Nội thì va chạm với xe đạp do ông Lê Ngọc Đ5 (sinh ngày 19/05/1968; thường trú: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) điều khiển phía sau chở ông Lê Anh H10 (sinh ngày 10/08/1970; thường trú: thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng), khiến ông Đ5 và ông H10 bị thương nặng.

19) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 179.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-110.47 gây ra vào ngày 13/07/2018 tại Km20+300, Quốc lộ A, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do anh Nguyễn Thành S1 (sinh ngày 25/02/1968; thường trú: 810 Khu phố A, phường B, quận B, TP .; Giấy phép lái xe số: 790116244017, ngày cấp 04/09/2015, nơi cấp: Sở GTVT TP.HCM) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ A hướng từ Lạng Sơn về Hà Nội thì va chạm với xe đạp do ông Trần Văn T18 (sinh ngày 19/05/1967; thường trú: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) điều khiển phía sau chở ông Trần Thanh S2 (sinh ngày 10/08/1970; thường trú: xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam), khiến ông T18 và ông Thanh S2 bị thương nặng.

20) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 195.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-290.48 gây ra vào ngày 23/09/2018 tại Km46+300, Quốc lộ A, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do anh Đinh Văn H11 (sinh ngày 30/12/1991; thường trú: Thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Giấy phép lái xe số: 370132013626, ngày cấp 13/09/2017, nơi cấp Sở GTVT tỉnh H) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ A hướng từ Lạng Sơn về Hà Nội thì va chạm với xe đạp do ông Nguyễn Huy H12 (sinh ngày 19/09/1963; thường trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) điều khiển phía sau chở ông Nguyễn Thanh T19 (sinh ngày 16/09/1996; thường trú: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam), khiến ông H12 và ông T19 bị thương nặng.

- Tại địa bàn huyện N, tỉnh Hà Tĩnh:

21) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 96.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-292.51 gây ra vào ngày 03/03/2019 tại Km481+200, Quốc lộ A, Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh do anh Đoàn Văn N2 (sinh ngày 12/12/1964; thường trú: Phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Giấy phép lái xe số: 640977001073, ngày cấp 12/12/2015, nơi cấp Sở GTVT TP .) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ A hướng từ Hà Tĩnh vào Nghệ An thì va chạm với xe mô tô do ông Trương Tuấn H13 (sinh ngày 12/6/1996; thường trú: 22/59 Mạc Đỉnh C3, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) điều khiển lưu thông phía trước bên phải cùng chiều, khiến ông H13 bị thương nặng.

- Tại địa bàn huyện L, tỉnh Đắk Lắk:

22) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 70.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51E-016.13 gây ra vào ngày 01/01/2016 tại Km75+900, Quốc lộ B, thôn buôn Đak No, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk do anh Nguyễn Trần M5 (sinh ngày 28/08/1980; thường trú: Phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Giấy phép lái xe số: 520104001807, ngày cấp 04/11/2013, nơi cấp Sở GTVT tỉnh B) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ B hướng từ Đắk Lắk về Lâm Đồng thì va chạm với anh Ka T20 (sinh năm 1977; thường trú: Thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng), khiến anh Ka T20 bị thương nặng.

- Tại địa bàn huyện D, tỉnh Nghệ An:

23) Hồ sơ bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 91.000.000 đồng đối với vụ tai nạn do xe ô tô tải mang biển số 51C-141.97 gây ra vào ngày 30/06/2019 tại xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An do anh Lê Quốc D1 (sinh ngày 01/01/1973; thường trú: Khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Giấy phép lái xe số: 720980000004, ngày cấp 15/05/2017, nơi cấp: Sở GTVT tỉnh T) điều khiển lưu thông trên Quốc lộ A hướng từ Hà Nội vào V thì va chạm với xe Mô tô của ông Hoàng Văn H14 (sinh ngày 10/02/1989; thường trú: N, N, tỉnh Nghệ An) điều khiển lưu thông phía trước bên phải cùng chiều, khiến ông H14 bị thương nặng. Hồ sơ này không được giải quyết chi trả bồi thường do có nghi vấn, nên T1 và D không chiếm đoạt được tiền.

Như vậy, từ ngày 08/012016 đến ngày 27/6/2019, Công ty B3 đã bồi thường bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc với tổng số tiền là 2.755.000.000 đồng đối với 22/23 hồ sơ bồi thường các vụ tai nạn nêu trên, tiền bồi thường được chuyển vào tài khoản số 17348409 của Lê Thành T1 mở tại Ngân hàng A, tài khoản số 0721000563401 của Trần Xuân D mở tại Ngân hàng V4 và tài khoản số 6380205221300 của Trần Xuân D mở tại Ngân hàng A1.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, Công an huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Công an huyện D, tỉnh Nghệ An; Công an huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Công an huyện L, tỉnh Đắk Lắk, được biết: Trên địa bàn không xảy ra các vụ tai nạn giao thông nêu trên và cũng không có các cán bộ Cảnh sát giao thông có tên trên các biên bản được phân công giải quyết.

Cơ quan điều tra đã thu thập danh sách theo dõi lịch trình và lệnh điều động xe tại Công ty V3, vào thời điểm xảy ra 23 vụ tai nạn nêu trên, các phương tiện gây tai nạn hoặc tài xế lái xe không được điều động chạy các tuyến đường như thông tin ghi trên hồ sơ tai nạn. Các phương tiện nêu trên đều thuộc sở hữu của Công ty V3.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh Giấy ra viện do Bệnh viện nơi người bị tai nạn điều trị như: Bệnh viện Đa khoa tỉnh L, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đ, Bệnh viện Đa khoa tỉnh H, Bệnh viện Đa khoa tỉnh L, Bệnh viện Đa khoa thành phố V và Bệnh viện T24 cấp theo nội dung hồ sơ các vụ tai nạn nêu trên, kết quả: Các đơn vị trên xác định không tiếp nhận điều trị những người bị tai nạn có thông tin như Giấy ra viện trong hồ sơ bồi thường và không phát hành các Giấy ra viện này.

Ngày 20/3/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho bị can Trần Xuân D thực nghiệm điều tra vẽ sơ đồ hiện trường của các vụ tai nạn giao thông như sau:

(1) Vụ tai nạn giao thông do xe ô tô tải mang biển số 51C-112.39 gây ra vào ngày 06/5/2017 tại Km88, Quốc lộ B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (2) Vụ tai nạn giao thông do xe ô tô tại mang biển số 51E-016.13 gây ra vào ngày 01/01/2016 tại Km75+900, Quốc lộ B, thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Kết quả thực hiện: Bị can Trần Xuân D đã vẽ lại sơ đồ hiện trường 02 vụ tai nạn giao thông nêu trên phù hợp với sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông trong hồ sơ bồi thường bảo hiểm trách nhiệm dân sự do bị can Lê Thành T1 và Trần Xuân D làm giả. Bị can Trần Xuân D có giải thích và nêu rõ các căn cứ, chú thích, thông số đối với các vụ tai nạn giao thông.

Ngày 05/4/2023, Phòng K3 Công an T25 kết luận giám định số 3015/KL-KTHS, xác định hình dấu Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng trên các hồ sơ bồi thường tai nạn giao thông xảy ra tại địa bàn huyện Đ do Lê Thành T1, Trần Xuân D cung cấp cho Công ty B3 được đóng ra từ con dấu giả.

Ngày 30/3/2023, Phòng K3 Công an T25 có kết luận giám định số 3015/KL-KTHS, xác định chữ ký của Lê Thành T1 trên 08 thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường đối với các vụ tai nạn xảy ra tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là chữ ký do Lê Thành T1 ký ra.

Ngày 25/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an T25 đã trưng cầu Phòng K3 Công an T25 giám định, trích xuất dữ liệu điện tử của các thiết bị điện thoại di động, máy tính bảng, CPU máy tính làm việc của Lê Thành T1. Kết quả giám định đã trích xuất được dữ liệu lưu trữ vào 01 ổ cứng và 01 USB.

Kết quả khám xét chỗ ở của Trần Xuân D ngày 05/4/2023, Cơ quan điều tra phát hiện và thu giữ 01 mẩu giấy có chữ ký tên "Nguyễn Đức T21", "Nguyễn Thanh T15", "Đoàn Văn N2", "Nguyễn Trọng Đ6" (bản photo) D sử dụng để cắt dán vào các biên bản giải quyết tai nạn giao thông, làm giả hồ sơ tai nạn.

Lê Thành T1 và Trần Xuân D khai nhận: do gặp khó khăn về tài chính, Lê Thành T1 bàn bạc với Trần Xuân D làm giả hồ sơ bồi thường tai nạn của các phương tiện xe cơ giới của Công ty V3 để chiếm đoạt tiền bảo hiểm của Công ty

B3. Để thực hiện hành vi, T1 lên mạng xã hội tìm đặt mua con dấu giả của Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Công an huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Công an huyện L, tỉnh Đắk Lắk, Công an huyện N, tỉnh Hà Tĩnh từ một đối tượng tên H15 (không rõ nhân thân lai lịch), tổng cộng 04 con dấu với giá 300.000 đồng/1 con dấu, H15 hẹn T1 đến quán cà phê (không nhớ địa điểm) để trực tiếp giao dấu và nhận 1.200.000 đồng. Con dấu giả là một miếng nhựa trong suốt hình tròn, mỏng, đường kính khoảng 3 cm, được khắc nội dung trên bề mặt miếng nhựa. Sau đó, T1 giao 04 con dấu cho Trần Xuân D, D gắn đoạn ống nước nhựa có đường kính tương ứng lên bề mặt 04 con dấu để dễ đóng vào tài liệu giả. Để có thông tin làm giả hồ sơ các vụ tai nạn, T1 và D thực hiện như sau: T1 cung cấp cho D thông tin, bản photocopy giấy đăng ký xe, giấy kiểm định, bằng lái xe của các tài xế thuộc công ty V3, thẻ bảo hiểm (từ hồ sơ lưu trữ trong công ty); D sẽ làm biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông, biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông; đối với giấy ra viện, biên bản thỏa thuận – bãi nại giữa người gây tai nạn và người bị tai nạn, giấy nhận tiền bồi thường (có lúc T1 làm, có lúc D làm), toàn bộ nội dung các vụ tai nạn giao thông do D tự nghĩ ra, tên những cá nhân trên các biên bản do D cắt dán từ tài liệu hoặc hồ sơ tai nạn khác rồi photocopy và tạo lập giả, sau đó T1 dùng dấu giả đã mua đóng lên góc trái của các tài liệu, để giống như tài liệu được photocopy từ hồ sơ do cơ quan Công an cấp có đóng dấu treo (giả).

Do trước đây Trần Xuân D từng có thời gian làm Cảnh sát giao thông (nghỉ hưu năm 2007), có chuyên môn nghiệp vụ nên phụ trách làm giả các tài liệu: biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường.

Đối với thông báo bồi thường T1 chừa trống nội dung thông tin số tài khoản, ký nháy rồi trình cho ông H3 ký tên, do tin tưởng T1 là Trưởng phòng Tổ chức Pháp ký nháy nên ông H3 đồng ý ký. Sau khi ông H3 ký, T1 mới điền thông tin tài khoản cá nhân của mình hoặc tài khoản của ông Trần Xuân D để Công ty B3 căn cứ vào đó chuyển tiền bồi thường. Theo điều khoản hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty V3 và Công ty B3, tiền bồi thường được chuyển vào tài khoản do Công ty V3 chỉ định nên khi T1 điền số tài khoản cá nhân vào thông báo bồi thường nên Công ty B3 cũng không thắc mắc gì; mặt khác, do T1 và D phụ trách xử lý các vụ tai nạn của Công ty V3 nên nhân viên Công ty B3 tin tưởng.

Sau khi hoàn thành hồ sơ bồi thường, D sẽ chuyển toàn bộ hồ sơ cho Công ty B3, khi giao hồ sơ D có ghi nhận vào sổ và cho nhân viên công ty B3 ký nhận. Toàn bộ số tiền bảo hiểm chiếm đoạt của Công ty B3 là 2.755.000.000

đồng T1 và D chia đôi hưởng lợi. Đến năm 2019, do nghi ngờ Công ty B3 phát hiện nên T1 và D bàn bạc hủy bỏ toàn bộ con dấu giả bằng cách cắt nhỏ và vứt bỏ cùng sổ giao nhận hồ sơ bồi thường, các tài liệu giả có liên quan khác do D giữ.

Ông Nguyễn Ngọc H3 không biết việc Lê Thành T1 và ông Trần Xuân D làm giả hồ sơ tai nạn giao thông để chiếm đoạt tiền bảo hiểm của Công ty B3 do ông H3 tin tưởng vào thông tin các vụ tai nạn T1 báo đều là thật nên ông H3 đồng ý ký tên trên thông báo tai nạn, các tài liệu làm giả T1 và ông D không trình cho ông H3 xem.

Hành vi của Lê Thành T1 và Trần Xuân D đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

3. Hành vi "Đưa hối lộ" của Lê Thành T1; hành vi "Nhận hối lộ" của Ngô Minh K chuyên viên xét bồi thường, Phạm Hồng T4 Phó giám đốc Trung tâm B4 trực thuộc Công ty B3; hành vi "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" của Nguyễn Phú T8 chuyên viên xét bồi thường thuộc Ban Bảo hiểm xe cơ giới Công ty B3.

3.1. Về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Trung tâm bồi thường xe ô tô Thành phố H (TP .).

Trung tâm Bồi thường xe ô tô (TTBT) thuộc Tổng Công ty Cổ phần B2 (Công ty B3) được thành lập năm 2010, Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng Công ty Cổ phần B2 ban hành quyết định số 469/2010-BM/HĐQT v/v ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của TTBT xe ô tô TP .. TTBT là một Ban nằm trong cơ cấu tổ chức của Trụ sở chính Công ty B3 và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban điều hành Tổng Công ty. TTBT tổ chức thực hiện công tác giám định, bồi thường nghiệp vụ bảo hiểm xe ô tô đối với các hợp đồng bảo hiểm do các đơn vị thành viên trên địa bàn TP . cấp; thực hiện đòi bồi thường người thứ ba, giải quyết và tham gia giải quyết các vụ khiếu nại, tranh chấp liên quan đến công tác bồi thường của Trung tâm. Trực tiếp thụ lý, thực hiện các công việc liên quan đến xử lý tai nạn, tổ chức giám định tổn thất, thu thập hồ sơ tai nạn phục vụ công tác bồi thường và tổ chức thực hiện bồi thường các vụ việc tổn thất thuộc hợp đồng bảo hiểm do các Công ty B3, Bảo Minh B, Bảo Minh C, cấp và/hoặc khi Tổng Công ty yêu cầu. Giám định, bồi thường nghiệp vụ xe ô tô cho các công ty thành viên khác có xe bị tai nạn trên địa bàn TP . khi có yêu cầu. TTBT có 01 Giám đốc, một số Phó Giám đốc, các chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ và nhân viên hỗ trợ. Giám đốc phụ trách chung, chịu trách nhiệm trước Ban điều hành Tổng Công ty về mọi hoạt động của Trung tâm. Các Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các

công việc được phân công hoặc được ủy quyền. Các chuyên viên, nhân viên được phân công phụ trách từng mảng công việc phải hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3.2. Về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Bảo hiểm xe cơ giới.

Ban Bảo hiểm Xe cơ giới thuộc Tổng Công ty Cổ phần B2 được thành lập theo Nghị quyết số 0429/2013-BM/HĐQT ngày 04/04/2013 của Hội đồng quản trị Bảo M1 về việc Tái cấu trúc Trụ sở chính của Bảo M1. Chức năng, nhiệm vụ của Ban B5 được quy định tại Quyết định số 0882/2013-BM/HĐQT ngày 01/7/2013 của Hội đồng quản trị Bảo Minh trong đó có chức năng giải quyết bồi thường các dịch vụ trên mức phân cấp của Ban B5 (Ban bảo hiểm) cho các công ty thành viên. Ban bảo hiểm có 01 Giám đốc Ban, một số Phó Giám đốc B1 và các chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ.

Trong giai đoạn từ 2015-2019, Ban B5 có các thẩm quyền phân cấp được ghi nhận tại Quyết định số 0601/2014-BM/TCNS ngày 05/05/2014 v/v Ban hành Qui định phân cấp nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới tại Trụ sở chính, Tổng Công ty Cổ phần B2. Việc phân công công việc tại B do lãnh đạo các Ban, Phòng tự thực hiện và quản lý. Hiện tại, các tài liệu được lưu trữ tại Ban bảo hiểm và tại B đều không thể hiện phân công công việc, nhiệm vụ cụ thể của các cán bộ, nhân viên trong Ban Bảo hiểm trong giai đoạn 2015-2019.

3.3. Về quy trình xét duyệt hồ sơ bồi thường bảo hiểm TNDS xe cơ giới.

Quy trình giải quyết bồi thường bảo hiểm TNDS của Công ty B3 từ năm 2016-2019 căn cứ vào quy định tại các văn bản sau:

Nghị định số 103/2008/NĐ-CP về bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới do Chính phủ ban hành ngày 16/09/2008; Thông tư số 126/2008/TT-BTC quy định quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới do Bộ T23 ban hành ngày 22/12/2008 (Văn bản hết hiệu lực kể từ 01/04/2016); Thông tư số 22/2016/TT-BTC quy định quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới do Bộ T23 ban hành ngày 16/02/2016 (Văn bản có hiệu lực kể từ 01/04/2016 - thay thế Thông tư số 126/2008/TT-BTC).

Ngoài các văn bản pháp luật do cơ quan có thẩm quyền ban hành nêu trên, việc bồi thường bảo hiểm xe cơ giới của Công ty B3 trong giai đoạn 2015 đến 2019 được hướng dẫn tại Công văn số 0434/2010-BM/BT ngày 01/03/2010 v/v Hướng dẫn thực hiện Công tác giám định và giải quyết bồi thường xe cơ giới năm 2010, Quyết định số 544/2015-BM/XCG ngày 17/4/2015 của Tổng Công ty Cổ phần B2 về việc ban hành quy tắc, điều khoản bảo hiểm xe ô tô.

Về quy định phân cấp giải quyết bồi thường, trong giai đoạn từ 2015-2019, Công ty B3 đã ban hành các văn bản sau:

- Văn bản số 0555/2014-BM/XCG ngày 25/04/2014 về phân cấp nghiệp vụ xe cơ giới;

- Quyết định số 0601/2014-BM/TCNS ngày 05/05/2014 v/v Ban hành Qui định phân cấp nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới tại Trụ sở chính - Tổng Công ty Cổ phần B2.

- Văn bản số 0066/2018-BM/XCG ngày 06/01/2018 về phân cấp nghiệp vụ xe cơ giới (thay thế cho văn bản số 0555/2014-BM/XCG).

- Quyết định số 1964/2018-BM/TCNS ngày 22/10/2018 v/v Ban hành Mô hình tổ chức & Quy trình Giám định và Bồi thường Bảo hiểm ô tô tại Bảo Minh S.

Từ tháng 10/2018, theo các quy định trên, Trung Tâm bồi thường xe ô tô TP . phân cấp bồi thường số tiền đến dưới 150.000.000 đồng, B1 Bảo hiểm xe cơ giới phân cấp bồi thường từ 150.000.000đ đến 200.000.000 đồng.

Ngày 25/4/2014, Tổng Công ty Cổ phần B2 ban hành văn bản số 555/2014-BM/XCG về phân cấp nghiệp vụ xe cơ giới, đối với bảo hiểm TNDS, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần B2 phân cấp toàn diện cho TTBT.

Ngày 06/01/2018, Tổng Công ty Cổ phần B2 ban hành văn bản số 66/2018-BM/XCG về phân cấp nghiệp vụ xe cơ giới, theo đó: Trung tâm B được phân cấp nghiệp vụ đến 200.000.000 đồng/vụ.

Đến ngày 22/10/2018, Tổng Công ty Cổ phần B2 ban hành quyết định số 1964/2018-BM/TCNS về việc ban hành mô hình tổ chức và quy trình giám định và bồi thường bảo hiểm ô tô tại Bảo Minh S. Tổng Công ty phân cấp cho Bộ phận giám định và xét duyệt bồi thường giải quyết bồi thường xe ô tô cho mỗi hồ sơ như sau:

- Đến 50.000.000 đồng: do Phụ trách Bộ phận giám định và xét bồi thường duyệt.

- Trên 50.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng: do Giám đốc Bảo Minh S xét duyệt.

- Trên 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng: do Ban Bảo hiểm xe cơ giới duyệt.

- Trên 200.000.000 đồng: Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ duyệt.

3.4. Về vai trò, trách nhiệm và sai phạm của Ngô Minh K, Phạm Hồng T4, Nguyễn Phú T8:

3.4.1. Quá trình làm việc.

- Ngô Minh K nguyên chuyên viên xét bồi thường thuộc TTBT xe ô tô TP . từ năm 2010. Ngày 22/10/2018, ông K được biệt phái đến Công ty B3 theo Quyết định số 1967/2018-BM/TCNS của Công ty B3. Ngày 08/5/2020, Công ty B3 có Quyết định số 922/2020-BM/TCNS chấm dứt hợp đồng với ông K do trước đó ông K có đơn xin nghỉ việc.

Với vai trò là chuyên viên xét duyệt bồi thường, Ngô Minh K có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ đề nghị bồi thường từ khách hàng, sau đó kiểm tra hồ sơ. Sau khi kiểm tra đầy đủ hồ sơ thì ông K lập bảng tính toán bồi thường đề xuất Phó Giám đốc TTBT phụ trách trực tiếp duyệt, nếu vượt phân cấp bồi thường thì tiếp tục trình Giám đốc Trung tâm duyệt cùng. Khi trình duyệt hồ sơ bồi thường, K trình kèm theo toàn bộ hồ sơ bồi thường cho lãnh đạo TTBT kiểm tra và duyệt. Hồ sơ sau khi được duyệt thì sẽ được chuyển toàn bộ đến Bộ phận kế toán để làm thủ tục duyệt chi. Ngô Minh K phụ trách xét bồi thường bảo hiểm TNDS khi xảy ra TNGT đối với các xe ô tô của Công ty V3 từ năm 2016 đến năm 2019.

- Phạm Hồng T4, Phó Giám đốc TTBT xe ô tô TP . từ năm 2010 đến nay. Trong năm 2010, Phạm Hồng T4 được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc TTBT theo Quyết định số 2170/2010-BM/TCNS ngày 25/10/2010 (thời hạn 03 năm). Năm 2014, Phạm Hồng T4 được bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc TTBT theo Quyết định số 19/2014-BM/TCNS ngày 03/01/2014 (thời hạn 03 năm). Đến năm 2017, Phạm Hồng T4 được được bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc TTBT theo Quyết định số 10/2017-BM/TCNS ngày 03/01/2014 (thời hạn 03 năm). Năm 2018, Phạm Hồng T4 biệt phái đến làm việc tại Công ty B3 theo Quyết định số 1966/2018-BM-TCNS ngày 22/10/2018. Ngày 06/01/2020, Phạm Hồng T4 được bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc TTBT và tiếp tục biệt phái làm việc tại Bảo Minh S, giao kiêm nhiệm Phó Giám đốc Công ty B3. Đến ngày 11/8/2020, Phạm Hồng T4 thôi nhiệm vụ biệt phái và kiêm nhiệm Phó Giám đốc Công ty B3. Ngày 31/8/2020, Phạm Hồng T4 được biệt phái làm việc tại Công ty B3 đến năm 2023.

Với vai trò là Phó Giám đốc TTBT xe ô tô TP ., Phạm Hồng T4 phụ trách bộ phận giám định thiệt hại xe, phụ trách xét duyệt bồi thường cho khách hàng của Công ty B3, cụ thể: Điều hành bộ phận giám định, xét duyệt hồ sơ bồi thường cho khách hàng của Công ty B3 do chuyên viên xét bồi thường trình, nếu vượt phân cấp thì duyệt trình Giám đốc TTBT, nếu vượt phân cấp của Giám đốc thì duyệt chuyển cho Ban bảo hiểm xe cơ giới thuộc Tổng Công ty B2. Khi cán bộ xét bồi thường trình hồ sơ bồi thường T4 có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, xác định phạm vi bảo hiểm và duyệt bồi thường trên bảng tính toán bồi thường

và ký Thông báo duyệt hồ sơ bồi thường để khách hàng xác nhận đồng ý tiền bồi thường, cung cấp số tài khoản. Sau khi khách hàng đồng ý, cung cấp số tài khoản, cán bộ xét bồi thường trình T4 ký Giấy đề nghị thực hiện thanh toán bồi thường và hoàn tất thủ tục đề nghị bộ phận kế toán duyệt chi. Khi cán bộ xét bồi thường trình hồ sơ bồi thường phải trình kèm theo toàn bộ hồ sơ bồi thường để T4 kiểm tra. Thủy phụ trách duyệt bồi thường TNDS khi xảy ra TNGT đối với các xe ô tô của Công ty V3 từ năm 2010 đến năm 2019.

Toàn bộ 23 hồ sơ bồi thường bảo hiểm TNDS có sai phạm của Công ty V3 nêu trên đều do Ngô Minh K - Chuyên viên và Phạm Hồng T4 - Phó Giám đốc TTBT trực tiếp xét duyệt.

3.4.2. Hành vi sai phạm của Ngô Minh K và Phạm Hồng T4.

Quá trình giải quyết hồ sơ bồi thường bảo hiểm TNDS khi xảy ra TNGT đối với các xe ô tô của Công ty V3, sau mỗi lần được thanh toán tiền bồi thường, Lê Thành T1 đã chi 5-7% trên tổng số tiền được bồi thường bằng hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Ngô Minh K số 19020040646010 mở tại Ngân hàng T26. Sau khi tiếp nhận tiền từ T1, K rút tiền mặt và chia 50% cho Phạm Hồng T4 – Phó Giám đốc TTBT.

Thực hiện việc trích xuất dữ liệu điện thoại của Lê Thành T1 và phát hiện một số tin nhắn giữa Lê Thành T1 và Ngô Minh K thể hiện nội dung đã chuyển tiền cho Ngô Minh K, một số tin nhắn giữa Lê Thành T1 và Phạm Hồng T4 trao đổi thể hiện nội dung thông báo đã chuyển tiền cho K.

Qua kiểm tra, rà soát sao kê tài khoản ngân hàng của Ngô Minh K, Lê Thành T1 và 22 hồ sơ bồi thường TNDS có sai phạm nêu trên, nhận thấy có 17 hồ sơ được Công ty B3 bồi thường tổng số tiền 2.354.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản số 17348409 của Lê Thành T1 mở tại ngân hàng A; sau khi tiếp nhận tiền, T1 đã rút tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Ngô Minh K vào tài khoản số 19020040646010 mở tại Ngân hàng T26 đối với 17 giao dịch nêu trên số tiền là 142.100.000 đồng, tương đương 5-7% trên tổng số tiền được bồi thường. Cụ thể:

1) Ngày 24/6/2016, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 68.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát số 57M-0883 gây ra ngày 29/04/2016 vào tài khoản số 17348409 của Lê Thành T1 mở tại Ngân hàng A. Ngày 28/6/2016, T1 nộp tiền vào tài khoản số 19020040646010 của Ngô Minh K số tiền 3.400.000 đồng.

2) Ngày 06/7/2017, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 99.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51C-110.47 gây

ra ngày 26/02/2017 vào tài khoản Lê Thành T1. Ngày 07/7/2017, T1 nộp tiền vào tài khoản của Ngô Minh K số tiền 5.700.000 đồng.

3) Ngày 20/7/2017, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 99.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51C-112.39 gây ra ngày 06/5/2017 vào tài khoản của T1. Ngày 21/7/2017, T1 nộp tiền vào tài khoản của Ngô Minh K số tiền 5.000.000 đồng.

4) Ngày 07/9/2017, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 98.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51E-004.31 gây ra ngày 18/06/2017 vào tài khoản của T1. Ngày 08/9/2017, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 4.900.000 đồng.

5) Ngày 27/10/2017, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 176.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51C-113.01 gây ra ngày 10/7/2017 vào tài khoản của T1. Ngày 31/10/2017, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 8.800.000 đồng.

6) Ngày 30/11/2017, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 96.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51C-290.48 gây ra ngày 05/10/2017 vào tài khoản của T1. Ngày 02/12/2017, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 4.800.000 đồng.

7) Ngày 12/01/2018, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 99.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51C-920.20 gây ra ngày 29/10/2017 vào tài khoản của T1. Ngày 15/01/2018, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 5.800.000 đồng.

8) Ngày 18/01/2018, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 82.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51C-918.07 gây ra ngày 28/10/2017 vào tài khoản của T1. Ngày 22/01/2018, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 4.100.000 đồng.

9) Ngày 05/02/2018, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 198.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 57M-3312 gây ra ngày 18/11/2018 vào tài khoản của T1. Ngày 07/02/2018, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 9.500.000 đồng.

10) Ngày 19/4/2018, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 191.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51C-922.86 gây ra ngày 20/01/2018 vào tài khoản của T1. Ngày 23/4/2018, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 14.500.000 đồng.

11) Ngày 01/6/2018, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 198.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51D-176.84

gây ra ngày 25/3/2018 vào tài khoản của T1. Ngày 05/6/2018, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 9.800.000 đồng.

12) Ngày 27/6/2018, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 99.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51C-922.43 gây ra ngày 06/5/2018 vào tài khoản của T1. Ngày 05/7/2018, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 4.900.000 đồng.

13) Ngày 22/10/2018, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 190.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51C-112.39 gây ra ngày 01/7/2018 vào tài khoản của T1. Ngày 25/10/2018, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 9.500.000 đồng.

14) Ngày 02/11/2018, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 179.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51C-110.47 gây ra ngày 13/7/2018 vào tài khoản của T1. Ngày 05/11/2018, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 8.900.000 đồng.

15) Ngày 21/12/2018, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 191.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51C-961.54 gây ra ngày 18/9/2018 vào tài khoản của T1. Ngày 28/12/2018, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 16.000.000 đồng.

16) Ngày 01/02/2019, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 195.000.000 đồng đối với tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51C-290.48 gây ra ngày 23/9/2018 vào tài khoản của T1. Ngày 12/02/2019, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 9.500.000 đồng.

17) Ngày 27/6/2019, Công ty B3 chi bồi thường BH TNDS bắt buộc số tiền 96.000.000 đồng cho tai nạn do xe ô tô tải mang biển kiểm soát 51C-292.51 gây ra ngày 03/3/2019 vào tài khoản của T1. Ngày 01/7/2019, T1 nộp tiền vào tài khoản của K số tiền 17.000.000 đồng.

Đối với 05 hồ sơ bồi thường bảo hiểm TNDS có sai phạm còn lại, mặc dù T1, K đều khai nhận có hành vi đưa, nhận hối lộ bằng tiền mặt cho T4 nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể của các hồ sơ này; Quá trình điều tra Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu chứng cứ khác thể hiện việc đưa, nhận hối lộ, nên không có cơ sở xác định được trách nhiệm hình sự của T1, K, T4 đối với 05 hồ sơ này.

Đối với 17 hồ sơ bồi thường nêu trên, Lê Thành T1 đã chi hối lộ cho Ngô Minh K và Phạm Hồng T4 tổng số tiền 142.100.000 đồng, được nộp vào tài khoản cá nhân của K. K và T4 thỏa thuận, sau khi nhận được tiền thì K rút tiền và chia đôi (50%) số tiền đã nhận cho Phạm Hồng T4. Mặc dù, Ngô Minh K và Phạm Hồng T4 không biết các hồ sơ tai nạn bị làm giả nhưng T4 và K đã bàn

bạc, thống nhất với nhau việc nhận tiền hối lộ từ Lê Thành T1, từ đó khi thực hiện thẩm định, kiểm tra hồ sơ bồi thường tai nạn Ngô Minh K đã không xét duyệt một cách không khách quan, không kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và kiểm tra sai sót của hồ sơ theo quy định, dẫn đến việc không phát hiện các hồ sơ giải quyết tai nạn giao thông bị làm giả và trình cho Phạm Hồng T4 phê duyệt, vi phạm quy định tại Mục 5, Phần IV, Văn bản số 434/2010-BM/BT ngày 01/3/2010 của Tổng Công ty Cổ phần B2 thực hiện công tác giám định và giải quyết bồi thường xe cơ giới:

" - Trước khi trình đề xuất bồi thường, bồi thường viên phải kiểm tra lại xác minh phí, hợp đồng bảo hiểm và rà soát toàn bộ các chứng từ theo quy định, tính hợp lý, hợp pháp và kiểm tra sai sót, các dấu vết tẩy, sửa để xác định lần cuối tính hợp lý, đúng đắn, đầy đủ của hồ sơ theo quy định.

- Tính toán số tiền dự kiến bồi thường và ghi rõ ý kiến đề xuất trên bảng tính toán và đề xuất bồi thường.

- Những hồ sơ có số tiền bồi thường trên phân cấp, khi chuyển về Tổng Công ty, các Công ty thành viên phải lập Bảng tính toán và đề xuất số tiền bồi thường."

- Ngô Minh K khai: Là người trực tiếp tiếp nhận, phụ trách xét duyệt 23 hồ sơ sai phạm trên và trình hồ sơ bồi thường cho lãnh đạo Trung tâm Bồi thường xe ô tô TP . kèm theo hồ sơ tai nạn giao thông có đóng dấu xác nhận của Cơ quan Công an do Công ty V3 cung cấp, nhân viên Trung tâm bồi thường không đến Cơ quan Công an để thu thập. Sau khi kiểm tra hồ sơ, K soạn bảng tính toán bồi thường và trình cho Phạm Hồng T4 duyệt. Trong trường hợp vượt phân cấp bồi thường thì K chuyển toàn bộ hồ sơ cho Ban bảo hiểm xe cơ giới xét duyệt. Hồ sơ sau khi được duyệt thì sẽ được chuyển toàn bộ đến Bộ phận kế toán để duyệt chi. Khi tiếp nhận hồ sơ giải quyết tai nạn giao thông từ Trần Xuân Dũng, K không biết là hồ sơ giả vì tài liệu có đóng dấu treo của Cơ quan Công an nên không kiểm tra lại. Khi Công ty V3 được giải quyết bồi thường, Lê Thành T1 có chi 5-7% trên tổng số tiền được nhận bồi thường cho nhân viên Công ty B3 duyệt hồ sơ, cụ thể là K nhận số tiền 142.100.000 đồng từ T1 sau khi giải quyết 17 hồ sơ bồi thường như trên, số tiền này K đã chia lại 50% cho Phạm Hồng T4. Phạm Hồng T4 biết việc K nhận tiền của T1 sau đó chia lại để cùng hưởng lợi. Đối với các hồ sơ bồi thường của Công ty V3, K không kiểm tra chặt chẽ sự mâu thuẫn trong hồ sơ không phát hiện hồ sơ mâu thuẫn về biển kiểm soát xe; không kiểm tra, xác minh lại nội dung hồ sơ đề nghị bồi thường dẫn đến không phát hiện hồ sơ có sai sót, dẫn đến vẫn xét duyệt hồ sơ và đề xuất thông qua bảng tính toán bồi thường.

- Phạm Hồng T4 khai: Là người trực tiếp phê duyệt 23 hồ sơ bồi thường có sai phạm nêu trên do Ngô Minh K trình xét duyệt. T4 có nhận tiền từ T1 thông qua Ngô Minh K nên đã không khách quan, không chỉ đạo K kiểm tra, rà soát hồ sơ khi xét duyệt bồi thường của Công ty V3. Sau khi duyệt tiền bồi thường, được Ngô Minh K chia 50% với tổng số tiền 142.100.000 đồng (tương đương số tiền 71.050.000 đồng) có nguồn gốc từ 17 lần T1 chuyển hồ sơ duyệt bồi thường.

Ngoài ra, trong tổng số 22 hồ sơ bồi thường BH TNDS được chi trả bồi thường nêu trên, có 18 hồ sơ được Ngô Minh K trực tiếp đề xuất bồi thường, trình cho Phạm Hồng T4 - Phó Giám đốc Trung tâm bồi thường phê duyệt rồi trình cho bà Lê Thị Thúy M6, Giám đốc Trung tâm bồi thường có ý kiến và có 02 hồ sơ được trình cho ông Phạm Minh T9, Giám đốc Công ty B3 (căn cứ thẩm quyền tại Quyết định số 1964/2018-BM/TCNS ngày 22/10/2018 của Tổng Công ty Cổ phần B2 về việc ban hành mô hình tổ chức và quy trình giám định và bồi thường bảo hiểm ô tô tải Bảo Minh S) có ý kiến. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại Mục 5, Phần IV, Văn bản số 434/2010-BM/BT ngày 01/3/2010 của Tổng Công ty Cổ phần B2 thực hiện công tác giám định và giải quyết bồi thường xe cơ giới chỉ quy định trách nhiệm của bồi thường viên trong việc kiểm tra, rà soát toàn bộ hồ sơ mà không quy định đối với lãnh đạo đơn vị xét bồi thường. Bà Lê Thị Thúy M6, Giám đốc Trung tâm bồi thường và ông Phạm Minh T9, Giám đốc Công ty B3 chỉ phê duyệt căn cứ trên đề xuất của cán bộ xét bồi thường là Ngô Minh K và phê duyệt của Phạm Hồng T4, Phó Giám đốc Trung tâm bồi thường tại Bảng tính toán bồi thường mà không biết các hồ sơ tai nạn bị làm giả. Mặt khác, bà M6 và ông T9 không nhận tiền hối lộ và lợi ích gì từ việc duyệt các hồ sơ trên; ông T9 là người phát hiện sai phạm, chỉ đạo kiểm tra toàn bộ hồ sơ bảo hiểm xe cơ giới của Công ty V3 và trình báo cho Cơ quan điều tra. Do đó, Cơ quan điều tra xác định không đủ cơ sở xem xét xử lý hình sự đối với ông Phạm Minh T9 và bà Lê Thị Thúy M6.

Đối với thủ tục thanh toán tiền bồi thường bảo hiểm TNDS các hồ sơ nêu trên được bộ phận kế toán của Công ty B3 là Ban Kế toán trụ sở chính hoặc Phòng Kế toán Công ty B3 (tùy theo mức phân cấp bồi thường) thực hiện theo Quyết định số 0690A/2016-BM/KT ngày 01/6/2016 về việc ban hành qui trình thanh toán bồi thường tại Trung tâm bồi thường. Trong đó quy định tại Mục E, Phần I: Quy định chung về nhiệm vụ của kế toán chỉ kiểm tra thông báo bồi thường, giấy đề nghị thanh toán, chứng từ, số tiền phê duyệt, đối tượng nhận bồi thường, xác minh phí mà không có nhiệm vụ kiểm tra hồ sơ tai nạn và không có nghiệp vụ về bồi thường xe cơ giới nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở xem xét xử lý hình sự đối với các cá nhân thuộc Ban Kế toán trụ sở chính và Phòng

Kế toán Công ty B3 trong việc thực hiện thủ tục thanh toán tiền bồi thường BH TNDS của các hồ sơ trên.

3.4.2. Hành vi sai phạm của Nguyễn Phú T8, Chuyên viên xét duyệt bồi thường thuộc Ban Bảo hiểm xe cơ giới:

Trong 22 hồ sơ bồi thường BH TNDS được chi trả bồi thường nêu trên, có 01 hồ sơ bồi thường BH TNDS số tiền 191.000.000 đồng đối với xe ô tô mang biển kiểm soát 51C-961.54 gây ra ngày 18/9/2018 tại Km132+600, Quốc lộ B, Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 21/12/2018, Công ty B3 đã thanh toán số tiền bồi thường 191.000.000 đồng vào tài khoản của Lê Thành T1.

Theo quy định phân cấp bồi thường, tại Quyết định số 1964/2018-BM/TCNS ngày 22/10/2018 v/v Ban hành Mô hình tổ chức và Quy trình Giám định và Bồi thường Bảo hiểm ô tô tại Bảo Minh S thì với mức bồi thường 191.000.000 đồng thuộc phân cấp bồi thường của Ban bảo hiểm xe cơ giới (từ 150.000.000 đồng – 200.000.000 đồng). Do đó, Ngô Minh K đề xuất và được Phạm Hồng T4 duyệt mức bồi thường 191.000.000 đồng và bút phê chuyển hồ sơ đến Ban Bảo hiểm xe cơ giới để tiếp tục xét duyệt. Trong đó, Nguyễn Phú T8, Chuyên viên Ban Bảo hiểm xe cơ giới là người trực tiếp tiếp nhận hồ sơ và tính toán bồi thường theo quy định, lập tờ trình bồi thường bảo hiểm xe cơ giới và đề xuất bồi thường số tiền 191.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Phú T8 trình hồ sơ cho ông Trương Hồng Q2, Phó Giám đốc Ban B5 có ý kiến và trình cho ông Nguyễn Hùng M7, Giám đốc Ban Bảo hiểm xe cơ giới phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, Trung lập thông báo bồi thường và giấy đề nghị thanh toán trình cho ông M7 ký. Đối với thông báo bồi thường, sau khi được duyệt Trung chuyển về cho Ngô Minh K để gửi cho khách hàng là Công ty V3 có ý kiến về số tiền được bồi thường và thông tin tài khoản nhận tiền bồi thường rồi gửi lại Ban Bảo hiểm. Tiếp đến, Nguyễn Phú Trung C4 toàn bộ hồ sơ đến Ban Kế toán (ở trụ sở chính) cho chị Võ Thị D2, nhân viên kế toán thuộc Ban kế toán (đã mất vào ngày 22/10/2021) để thực hiện thủ tục thanh toán. Sau khi kiểm tra hồ sơ, chị D2 lập Ủy nhiệm chi số tiền theo đề nghị của Ban Bảo hiểm xe cơ giới là 191.000.000 đồng, đơn vị nhận tiền là Lê Thành T1 số tài khoản 17348409 mở tại Ngân hàng A và trình ông Nguyễn Anh T22, Phó Giám đốc Ban Kế toán (ở trụ sở chính) ký ủy nhiệm chi, ký tên trên giấy đề nghị thanh toán (xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ). Tiếp tục trình cho Ban điều hành Công ty là ông Nguyễn Thế N3, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần B2 ký ủy nhiệm chi tại mục chủ tài khoản. Sau khi hoàn tất việc thanh toán, Ban Kế toán chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho Ban Bảo hiểm xe cơ giới để lưu trữ.

Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ giải quyết tai nạn giao thông nêu trên thể hiện biển kiểm soát xe bị tai nạn là 51C-691.54 (mâu thuẫn với biển kiểm soát

theo thông báo tai nạn là 51C-961.54) nhưng vẫn được xét duyệt thông qua. Cơ quan điều tra đã xác minh hồ sơ tai nạn này đã bị Lê Thành T1, Trần Xuân D làm giả; trách nhiệm trực tiếp xét duyệt hồ sơ bồi thường trên thuộc về Nguyễn Phú T8 và Ngô Minh K.

Quá trình điều tra, xác định trong 17 hồ sơ bồi thường Lê Thành T1 đưa tiền hối lộ cho Ngô Minh K và Phạm Hồng T4 có hồ sơ bồi thường BH TNDS của xe ô tô 51C-961.54 nêu trên, cụ thể: Ngày 21/12/2018, Công ty B3 đã chuyển khoản 191.000.000 đồng chi trả cho xe này vào tài khoản của T1; ngày 28/12/2018, T1 đưa hối lộ vào tài khoản của Ngô Minh K số tiền 16.000.000 đồng.

Như vậy, căn cứ quy định tại M, Phần IV, Văn bản số 434/2010-BM/BT ngày 01/3/2010 của Tổng Công ty Cổ phần B2 thực hiện công tác giám định và giải quyết bồi thường xe cơ giới, với vai trò là chuyên viên xét bồi thường trực tiếp phụ trách tiếp nhận xét duyệt và đề xuất bồi thường, Nguyễn Phú T8 sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm Bồi thường xe ô tô TP . (do vượt phân cấp) đã không kiểm tra, rà soát, đối chiếu hồ sơ nên không phát hiện sự mâu thuẫn về biển kiểm soát xe bị tai nạn và xe được bồi thường không giống nhau, mà vẫn đề xuất đến các cấp Lãnh đạo để bồi thường cho xe này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty B3 số tiền 191.000.000 đồng.

- Nguyễn Phú T8 khai: thừa nhận quá trình giải quyết hồ sơ bồi thường TNDS đối với xe ô tô mang biển kiểm soát 51C-961.54 gây ra ngày 18/9/2018 nêu trên, T8 không biết hồ sơ tai nạn bị làm giả và không nhận tiền, không được hưởng lợi gì từ Công ty V3, hoặc Lê Thành T1, Ngô Minh K, Phạm Hồng T4 đưa. Mà quá trình duyệt hồ sơ có sai sót, do sơ suất không kiểm tra kỹ hồ sơ khi xét duyệt bồi thường nên không phát hiện hồ sơ có sai sót biển số xe nhưng vẫn đề xuất, duyệt trình các cấp Lãnh đạo đồng ý yêu cầu bồi thường, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty B3.

Ngày 11/01/2024, Phòng K3 Công an T25 có kết luận giám định số 410/KL-KTHS kết luận: không đủ cơ sở kết luận chữ ký của Nguyễn Phú T8 trên Tờ trình bồi thường bảo hiểm xe cơ giới.

Cơ quan điều tra đã thu thập bổ sung mẫu chữ ký của Nguyễn Phú T8 vào thời điểm năm 2018; ngày 04/3/2024, Cơ quan điều tra tiếp tục có Quyết định trưng cầu giám định số 2624/QĐ-CSKT(Đ5) trưng cầu Phòng K3 Công an T25 giám định chữ ký của Nguyễn Phú T8 trên tờ trình bồi thường bảo hiểm xe cơ giới và thông báo bồi thường đối với vụ TNGT do xe ô tô mang biển kiểm soát 51C-961.54 gây ra ngày 18/9/2018 tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (hồ sơ mâu thuẫn sai biển số xe "51C.691.54"). Ngày 09/4/2024, Phòng K3 Công an T25 có

kết luận giám định số 3231/KL-KTHS kết luận: không đủ cơ sở kết luận chữ ký của Nguyễn Phú T8 trên Tờ trình bồi thường bảo hiểm xe cơ giới.

Sau khi có kết luận giám định, Cơ quan điều tra đã thông báo cho Nguyễn Phú T8 theo quy định và tiến hành ghi lời khai Nguyễn Phú T8 (có ghi âm ghi hình), kết quả: Sau khi được thông báo và cho xem các tài liệu kèm theo, Nguyễn Phú T8 đã xác nhận toàn bộ chữ ký trên các tài liệu mẫu cần giám định và mẫu so sánh là do T8 ký ra; giải thích lý do kết luận giám định không đủ cơ sở kết luận chữ ký của T8 và xác nhận từ trước đến nay chỉ sử dụng một loại chữ ký, chữ viết duy nhất nhưng vì T8 bị chứng run tay (bệnh Parkinson) khoảng hơn 10 năm nay (nên mỗi lần ký, viết thì nét viết bị run, không đồng nhất); việc này nhiều người làm việc cùng T8 tại Tổng Công ty B2 đều biết; Nguyễn Phú T8 là người được phân công trực tiếp xét duyệt hồ sơ tại Ban Bảo hiểm xe Cơ giới, ngoài T8 thì không có ai khác ký đề xuất bồi thường đối với xe ô tô 51C-961.54.

Do đó, hành vi nêu trên của Lê Thành T1 đã phạm tội "Đưa hối lộ" và Ngô Minh K và Phạm Hồng T4 phạm tội "Nhận hối lộ" đối với tổng số tiền 142.100.000 đồng; Nguyễn Phú T8 phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" gây thiệt hại cho Công ty B3 số tiền 191.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc H3, Tổng Giám đốc, đại diện pháp luật Công ty V3 khai: Lê Thành T1, Trưởng Phòng Tổ chức Pháp chế là người đề xuất mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho các xe của Công ty. Khi có tai nạn xảy ra đối với các phương tiện xe ô tô của Công ty V3, T1 là người trực tiếp xử lý, thông báo cho bên bảo hiểm và báo cáo với ông H3 có xe bị tai nạn. Ngoài ra, T1 phụ trách phối hợp với Công ty B3 để thu thập hồ sơ tai nạn thực hiện các yêu cầu bồi thường. Do số lượng xe của Công ty nhiều và thường xuyên xảy ra tai nạn nên khi T1 báo với ông H3 có tai nạn xảy ra thì ông H3 tin tưởng và ký thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường. Ông H3 không biết việc Lê Thành T1 và Trần Xuân D làm giả hồ sơ tai nạn để chiếm đoạt tiền bồi thường của Công ty B3. Đồng thời, việc giải quyết các vụ tai nạn giao thông, làm việc với bảo hiểm, cơ quan chức năng do T1 phụ trách, tiền bồi thường bảo hiểm cũng do T1 theo dõi và sử dụng để chi phí sửa chữa, khắc phục nên ông H3 tin tưởng. Ông H3 và Công ty V3 không được hưởng lợi từ sự việc nêu trên.

Vật chứng vụ án: theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2025/044 ngày 01/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về số tiền tạm giữ, thu giữ:

Bị can Phạm Hồng Thủy nộp số tiền 71.050.000 đồng, bị can Ngô Minh K nộp số tiền 71.050.000 đồng, bị can Lê Thành T1 nộp số tiền 100.000.000 đồng, bị can Trần Xuân D nộp số tiền 1.387.500.000 đồng. Tổng số tiền các bị can nộp

tiền khắc phục hậu quả, thu lợi bất chính vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra là 1.629.600.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 614/CT-VKS-P3 ngày 17/9/2024, Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử đối với các bị can (có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên):

- Lê Thành T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Đưa hối lộ" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 341, điểm b khoản 3 Điều 341; điểm đ, e khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Trần Xuân D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 341, điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Ngô Minh K và Phạm Hồng T4 về tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Nguyễn Phú T8 về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Căn cứ theo điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a khoản 3 Điều 341, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm đ điểm e khoản 2 Điều 364, điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Xử phạt bị cáo Lê Thành T1 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và 03 (ba) năm tù về tội "Đưa hối lộ". Tổng hợp hình phạt chung là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/4/2023.

- Căn cứ theo điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a khoản 3 Điều 341, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm b điểm o điểm s điểm v điểm x khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Xử phạt bị cáo Trần Xuân D 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 02 (hai) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt chung là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm c điểm đ khoản 2 Điều 354, điểm s điểm t khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Xử phạt bị cáo Ngô Minh K 03 (ba) năm tù về tội "Nhận hối lộ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 27/4/2023 đến ngày 15/8/2023.

4. Xử phạt bị cáo Phạm Hồng T4 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Nhận hối lộ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 27/4/2023 đến ngày 15/8/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt của bị cáo Nguyễn Phú T8, về biện pháp tư pháp, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 17/01/2025, bị cáo Lê Thành T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/01/2025, bị cáo Ngô Minh K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/01/2025, bị cáo Phạm Hồng T4 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 19/01/2025, bị cáo Trần Xuân D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Thành T1, Ngô Minh K giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo Trần Xuân D, Phạm Hồng T4 giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, có đưa ra một số tài liệu

tuy nhiên không phải tình tiết mới nên không phù hợp để xem xét. Xét thấy, mức án tại cấp sơ thẩm đã áp dụng là tương xứng, đúng người đúng tội, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Ngọc T7 trình bày: Tuy gia đình bị cáo Lê Thành T1 có nhiều khó khăn nhưng bị cáo cũng đã tác động gia đình cố gắng nộp số tiền khắc phục 100 triệu đồng. Trong quá trình xét xử, bị cáo thành thật khai báo, không đổi lỗi mà thừa nhận hành vi phạm tội của mình tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là đồng phạm giản đơn, không bàn bạc trước cũng không có tính toán cá nhân. Việc bị cáo sai phạm cũng lỗi do sự quản lý lỏng lẻo của lãnh đạo cơ quan. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện tuổi đã cao nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình.

Luật sư Nguyễn Minh C trình bày: thống nhất với tội danh cũng như điều luật mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo D, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo vì trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không tham gia vào trong toàn bộ chuỗi hành vi từ lúc bắt đầu làm hồ sơ giả đến nhận tiền. Bị cáo D chỉ được giao nhiệm vụ làm hồ sơ, ngoài ra những hành vi khác bị cáo không tham gia vào. Hành vi phạm tội của bị cáo chỉ giúp sức, không phải ngang bằng với bị cáo T1 về hành vi phạm tội. Về nhân thân, bị cáo có nhiều bệnh nan y, xuất phát từ việc lớn tuổi, sức khỏe của bị cáo chưa được ghi nhận; phạm tội vào thời điểm khi bị cáo nghỉ làm cảnh sát giao thông, bị thất nghiệp không có thu nhập ổn định, bị cáo phải nuôi vợ bị bệnh ung thư, hai người con có một đứa bị tâm thần. Trong hoàn cảnh như vậy, khi được bị cáo T1 rủ rê nên bị cáo không làm chủ được bản thân tham gia vào hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo T4, bản án sơ thẩm nhận định, vì nhận tiền hối lộ nên không kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ dẫn đến hồ sơ bị làm giả, là không đúng vì việc bị cáo T1 cho bị cáo K, T4 tiền là sau khi bị cáo đã thực hiện xong và trích lại cho các bị cáo. Tiền đó được xem là bồi dưỡng giữa các bên. Việc này diễn ra lâu, công ty V3 có hơn 100 xe và ký hợp đồng với công ty B3, trong quá trình thực hiện chi trả bồi thường lần nào cũng có cho tiền bồi dưỡng. Chính vì thói quen, tập quán nên bị cáo T4 chỉ nghĩ đó là số tiền khách bồi dưỡng. Nội dung kiểm tra hồ sơ cũng theo quy chế của công ty. Cán bộ bồi thường chỉ xem xét hồ sơ, không yêu cầu phải đi xác minh sự việc có diễn ra hay không. Khi bị cáo xem xét đầy đủ thì bị cáo cũng không biết giả hay không.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân D, Phạm Hồng T4.

Luật sư Lê Huy V1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cha của bị cáo K đã được Nhà nước trao tặng huy hiệu tuổi Đảng, bản thân bị cáo K là người trực tiếp nuôi dưỡng mẹ bị cáo là bà T10 là người có công với cách mạng, vợ bị cáo hiện đang bị bệnh nặng. Bản thân bị cáo cũng là người bệnh nặng nhưng phải chăm sóc gia đình. Tại thời điểm bị cáo nhận tiền, đây là tiền của công ty V3 bồi dưỡng chứ bị cáo không xác định ý thức là khoản tiền hối lộ. Bị cáo K với công ty cũng không có sự thỏa thuận. Ý thức chủ quan của bị cáo là không có đối với hành vi phạm tội. Bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và thành khẩn khai báo nhưng hoàn cảnh bị cáo vô cùng khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Minh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Từ năm 2015 đến năm 2019, bị cáo Lê Thành T1 - Trưởng phòng Tổ chức Pháp chế Công ty V3 (có địa chỉ trụ sở: A P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) chủ mưu cùng với sự giúp sức của bị cáo Trần Xuân D - nhân viên phòng Tổ chức Pháp chế Công ty V3 cấu kết làm giả con dấu, đóng lên các tài liệu tạo lập giả 23 bộ hồ sơ tai nạn giao thông, để thực hiện hoàn chỉnh các hồ sơ yêu cầu bồi thường bảo hiểm trách nhiệm dân sự do các xe ô tô tải của Công ty V3 gây tai nạn, chuyển đến Công ty B3 (có địa chỉ trụ sở: B T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) để được thanh toán tiền bảo hiểm bồi thường trách nhiệm dân sự. Trong đó, có 17 bộ hồ sơ làm giả đã chiếm đoạt được tổng số tiền là 2.755.000.000 đồng, đây là tiền bồi thường bảo hiểm của Công ty B3 được chuyển qua tài khoản của bị cáo T1. Số tiền chiếm đoạt được bị cáo T1 và bị cáo D chia nhau mỗi người 1/2 để tiêu xài.

Ngoài ra, để được xét duyệt nhanh hồ sơ bồi thường và được bỏ qua các thiếu sót đối với 17/22 hồ sơ sai phạm được duyệt, sau khi nhận được tiền chi trả bồi thường, bị cáo Lê Thành T1 đã hối lộ số tiền 142.100.000 đồng cho bị cáo Ngô Minh K chuyên viên xét bồi thường và bị cáo Phạm Hồng T4 Phó Giám đốc Trung tâm bồi thường xe ô tô Thành phố H thuộc Tổng Công ty Cổ phần B2 để được thuận lợi, dễ dãi khi kiểm tra, đề xuất, trình, ký duyệt các hồ sơ bồi thường nêu trên.

Đối với bị cáo Ngô Minh K và bị cáo Phạm Hồng T4: Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trực tiếp xét hồ sơ bồi thường bảo hiểm trách nhiệm dân sự khi xảy ra tai nạn giao thông đối với các xe ô tô của Công ty V3 từ năm 2016 đến năm 2019. Vì mục đích được nhận tiền hối lộ từ bị cáo Lê Thành T1 sau khi hồ sơ được xét duyệt nên trong quá trình tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ, bị cáo K và

bị cáo T4 đã không khách quan, không kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và kiểm tra sai sót của các hồ sơ theo quy định của Nghị định số 103/2008/NĐ-CP ngày 16/9/2008 của Chính phủ, Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ T23 (thay thế Thông tư số 126/2008/TT-BTC ngày 22/12/2008 của Bộ T23) và các văn bản hướng dẫn việc thực hiện Công tác giám định, giải quyết bồi thường xe cơ giới; quy tắc, điều khoản bảo hiểm xe ô tô… dẫn đến, không phát hiện các hồ sơ giải quyết tai nạn giao thông bị làm giả mà vẫn đề xuất duyệt chi bồi thường trình cho các cấp phê duyệt. Bị cáo Ngô Minh K đã trực tiếp nhận số tiền 142.100.000 đồng từ bị cáo Lê Thành T1 thông qua tài khoản cá nhân đối với 17 hồ sơ sai phạm nêu trên, sau đó chia cho bị cáo Phạm Hồng T4 50% tổng số tiền đã nhận, cụ thể K hưởng lợi 71.050.000 đồng, T4 hưởng lợi 71.050.000 đồng.

Với các hành vi phạm tội như đã nêu trên thì các tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội đúng pháp luật, cụ thể:

Bị cáo Lê Thành T1 đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Đưa hối lộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a điểm b khoản 3 Điều 341 và điểm đ điểm e khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Bị cáo Trần Xuân D đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", tội phạm và hình phạt được quy định tại tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Các bị cáo Ngô Minh K, Phạm Hồng T4 đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Nhận hối lộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Thành K2, bị cáo Ngô Minh K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Trần Xuân D, bị cáo Phạm Hồng T4 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Khi lượng hình, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cho từng bị cáo như:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lê Thành T1, Trần Xuân D phạm tội 02 lần trở lên ở tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nên đã áp dụng điểm g khoản 1

Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với 02 bị cáo là phù hợp.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Trần Xuân D đã nộp lại toàn bộ số tiền phạm tội là 1.387.500.000 đồng, bị cáo T1 đã nộp số tiền 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo Trần Xuân D là người trên 70 tuổi; có nhiều thành tích xuất sắc trong thời gian công tác tại ngành Công an; có cha là liệt sĩ; Các bị cáo Nguyễn Phú T8, Phạm Hồng T4 và Ngô Minh K đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để nhanh chóng giải quyết vụ án; Bị cáo Phạm Hồng T4 và bị cáo Ngô Minh K nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, tại phiên toà đại diện bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; trong quá trình công tác các bị cáo đều được khen tặng nhiều giấy khen các loại; bị cáo K có cha là người có công với cách mạng, bản thân bị cáo từng tham gia chiến trường Campuchia nên đã áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự giảm cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu và mức án bản án sơ thẩm tuyên xử là phù hợp, không nặng.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên toà phúc thẩm: Bị cáo Lê Thành T1 trình bày có nhiều thành tích tốt trong công tác, được tặng thưởng Giấy khen, Bằng khen của Ủy ban liên đoàn trong công tác, gia đình có công với cách mạng, bố vợ có Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng nhất là ông Nguyễn Thanh B, mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Đ7 là bộ đội cụ H16, bản thân tích cực tham gia công tác thiện nguyện tại địa phương. Bị cáo Trần Xuân D cung cấp tài liệu xác nhận cha là liệt sỹ, mẹ là Bùi Thị H1 có huân chương kháng chiến hạng nhất, vợ có huy hiệu 30 năm tuổi đảng, bản thân là người cao tuổi. Bị cáo Ngô Minh K trình bày có cha là ông Ngô M được tặng huy hiệu 65 năm tuổi Đảng ngày 03/02/2025 và bị bệnh nặng, vợ của bị cáo bị bệnh teo cơ, bị cáo hiện là trụ cột, là người chăm sóc gia đình. Bị cáo Phạm Hồng T4 nộp giấy xác nhận tham gia công tác thiện nguyện, bị cáo bị bệnh thoát vị đĩa đệm; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, ba mất, chỉ có bị cáo hiện chăm sóc mẹ già đã ngoài 90 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với bị cáo T1: Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo T1, mức án mà cấp sơ thẩm xét xử là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo T1. Với vai trò đầu vụ, bị cáo phạm một lúc 4 tội, hậu quả khắc phục không đáng kể, do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1.

Đối với các bị cáo D, K, T4 đã cung cấp các tình tiết giảm nhẹ mới mà cấp sơ thẩm chưa xem xét nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 và Điều 54

Bộ luật Hình sự xem xét giảm cho các bị cáo D, K, T4 một phần hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đối với đề nghị được hưởng án treo của bị cáo K và bị cáo T4, Hội đồng xét xử xét thấy, với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thì cần cách ly các bị cáo một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Do đó, không chấp nhận kháng cáo đề nghị được hưởng án treo của bị cáo K và bị cáo T4.

[2.3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thành T1, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân D, Ngô Minh K, Phạm Hồng T4; sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt của các bị cáo Trần Xuân D, Ngô Minh K, Phạm Hồng T4.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bị cáo Lê Thành T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Do Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân D, Ngô Minh K, Phạm Hồng T4 nên các bị cáo Trần Xuân D, Ngô Minh K, Phạm Hồng T4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thành T1, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân D, Ngô Minh K, Phạm Hồng T4; sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt của các bị cáo Trần Xuân D, Ngô Minh K, Phạm Hồng T4.

2. - Căn cứ theo điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a khoản 3 Điều 341, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm đ điểm e khoản 2 Điều 364, điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Thành T1** 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và 03 (ba) năm tù về tội "Đưa hối lộ". Tổng hợp hình phạt chung là **20 (hai mươi) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/4/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Thành T1 theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ theo điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a khoản 3 Điều 341, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm b điểm o điểm s điểm v điểm x khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Xuân D** 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 02 (hai) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 01 (một) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt chung là **10 (mười)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm c điểm đ khoản 2 Điều 354, điểm s điểm t khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Ngô Minh K 02 (hai) năm tù** về tội "Nhận hối lộ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 27/4/2023 đến ngày 15/8/2023.

Xử phạt bị cáo **Phạm Hồng T4 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội "Nhận hối lộ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 27/4/2023 đến ngày 15/8/2023.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Lê Thành T1 phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Trần Xuân D, Ngô Minh K và Phạm Hồng T4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Ngọc Thu Hương **Ngô Mạnh Cường** **Trần Thị Hòa Hiệp**